

QUẢN LÝ TIẾN TRÌNH

1

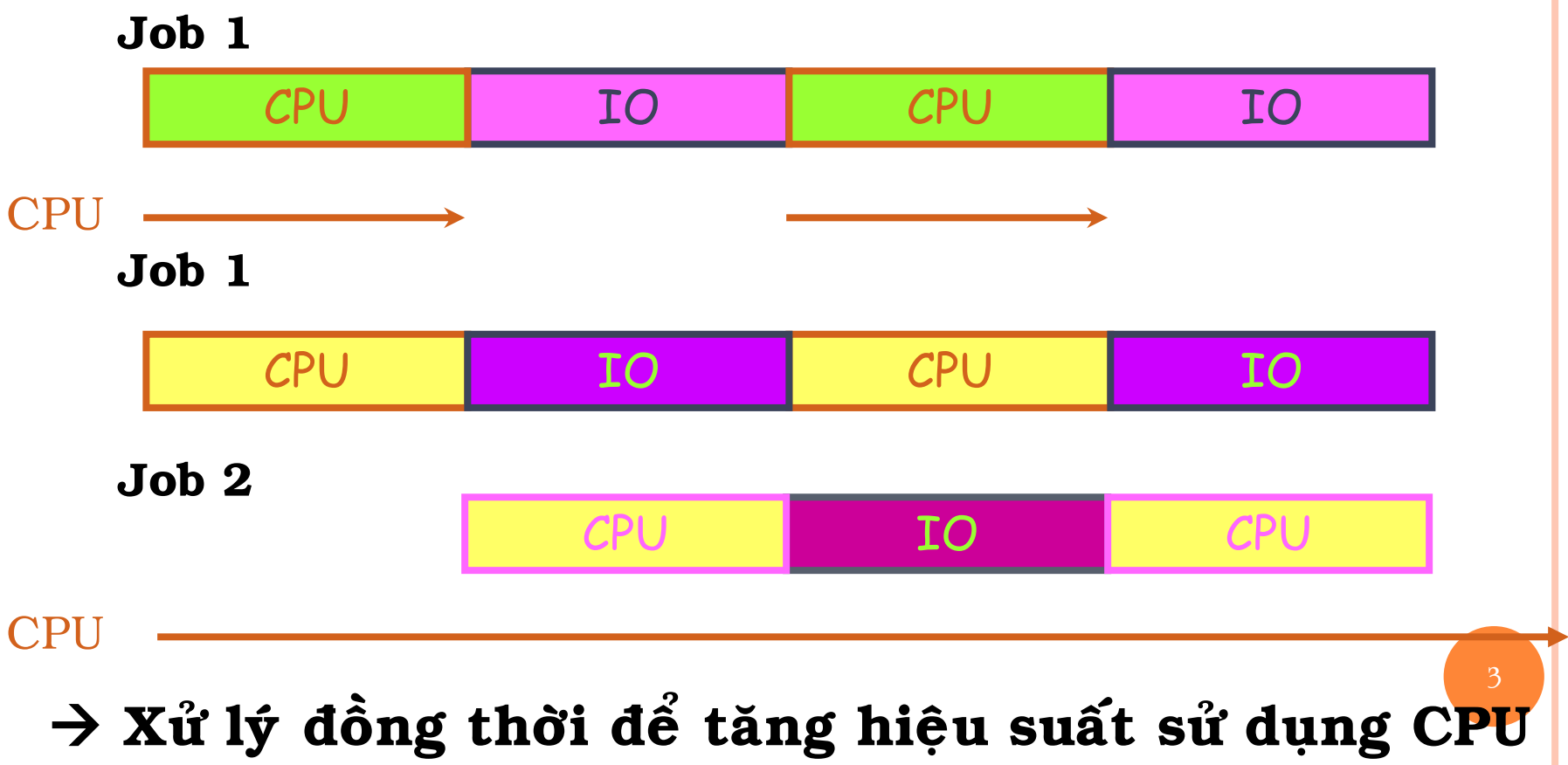
MỤC TIÊU

- Mô hình Tiến trình
- Trạng thái tiến trình
- Thông tin quản lý tiến trình
- Quá trình điều phối tiến trình
- Các thuật toán điều phối

2

ĐA NHIỆM VÀ ĐA CHƯƠNG ???

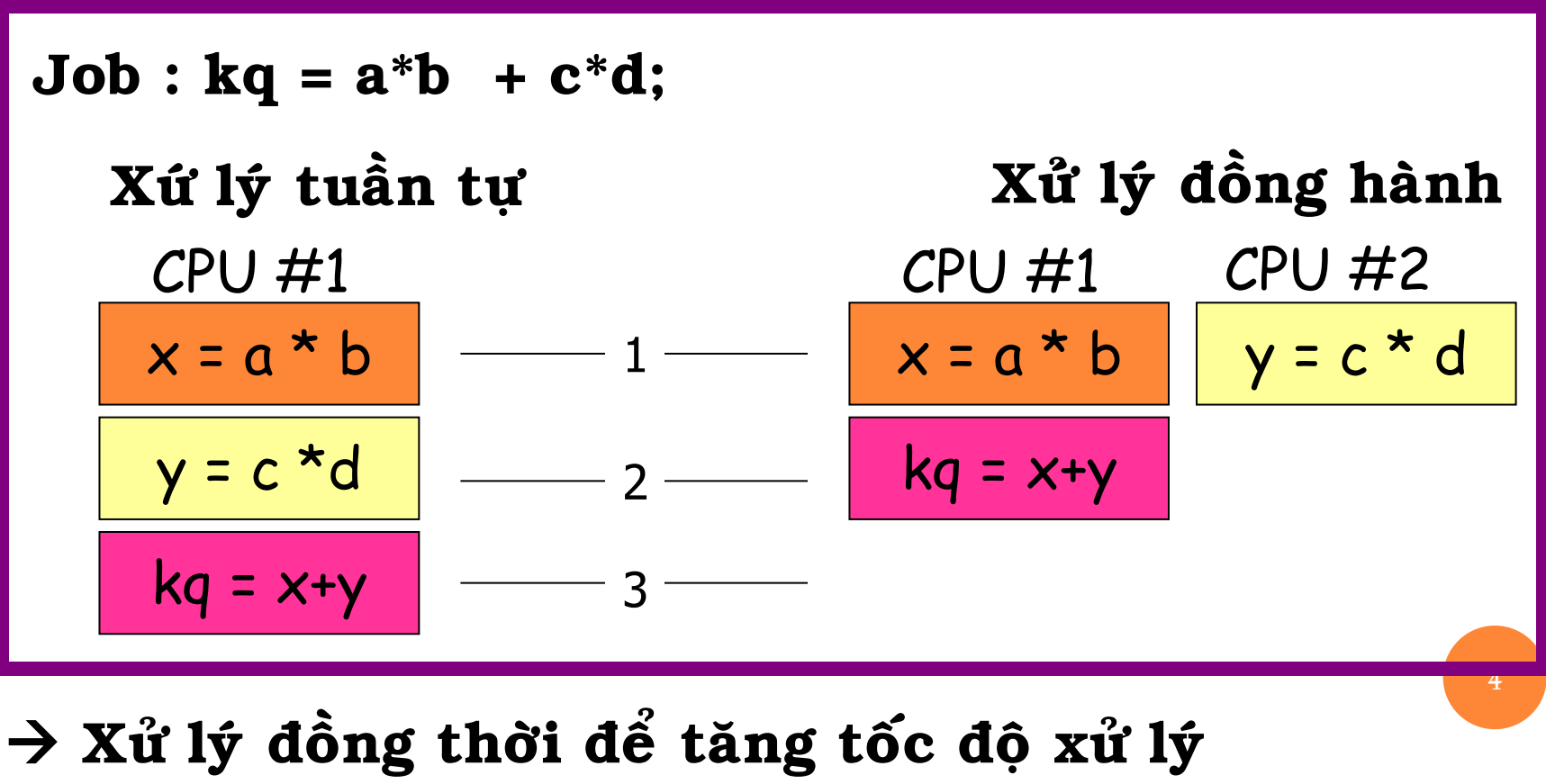
- Vì sao muốn xử lý đồng thời nhiều công việc trên máy tính ?



3

ĐA NHIỆM VÀ ĐA CHƯƠNG ???

- Vì sao muốn xử lý đồng thời nhiều công việc trên máy tính ?



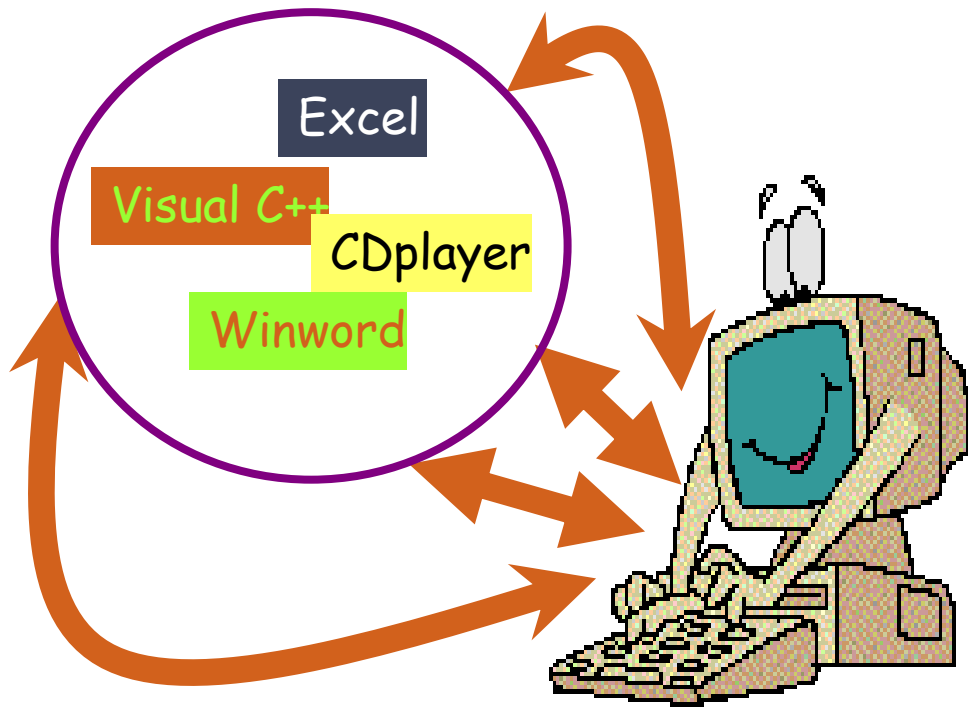
4

ĐA NHIỆM VÀ ĐA CHƯƠNG

- **Multitasking (đa nhiệm)**: cho phép nhiều tác vụ/ công việc được xử lý đồng thời
 - Người dùng luôn mong muốn 1 HĐH đa nhiệm
 - Nhưng: Máy tính thường chỉ có 1 CPU?
- **Multiprogramming (đa chương)**: kỹ thuật cho phép nhiều chương trình được thực hiện đồng thời (trên 1 CPU)
 - Giả lập nhiều CPU ảo từ 1 CPU thật để cho phép thi hành nhiều chương trình đồng thời.
 - Ảo hoá bằng cách nào? Xây dựng các thuật toán để luân chuyển CPU giữa các chương trình ứng dụng.

5

XỬ LÝ ĐỒNG HÀNH, NHỮNG KHÓ KHĂN ?

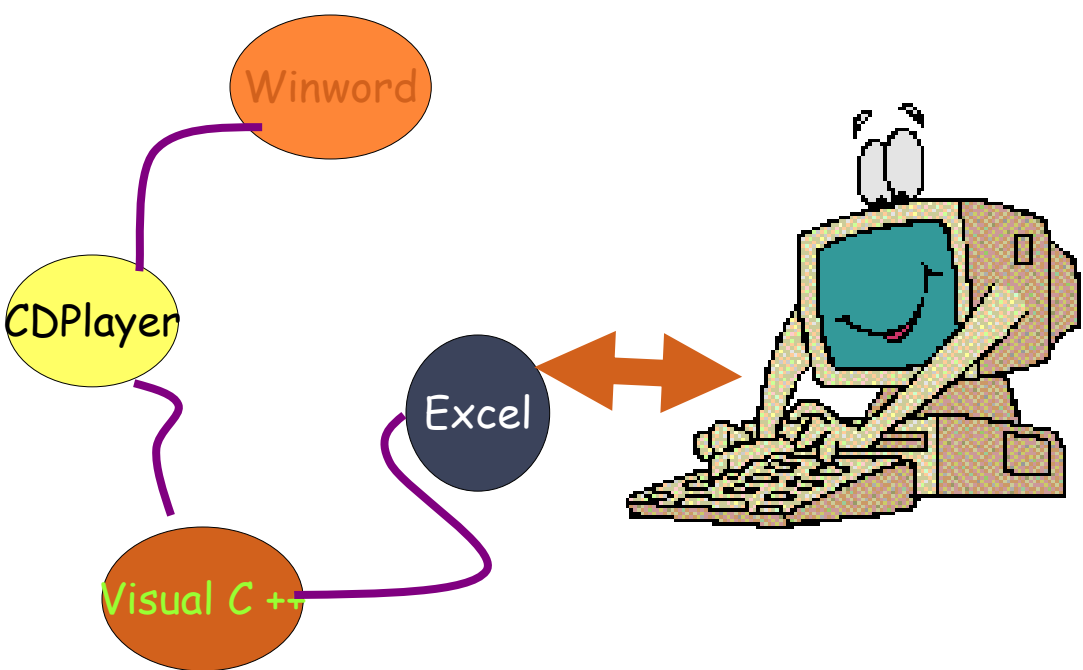


- Tài nguyên giới hạn, ứng dụng “vô hạn”
- Nhiều hoạt động đan xen
- ??? Phân chia tài nguyên ?
- ??? Chia sẻ tài nguyên ?
- ??? Bảo vệ?

HĐH : “Giải quyết nhiều công việc đồng thời, đâu có dễ !”

6

GIẢI PHÁP

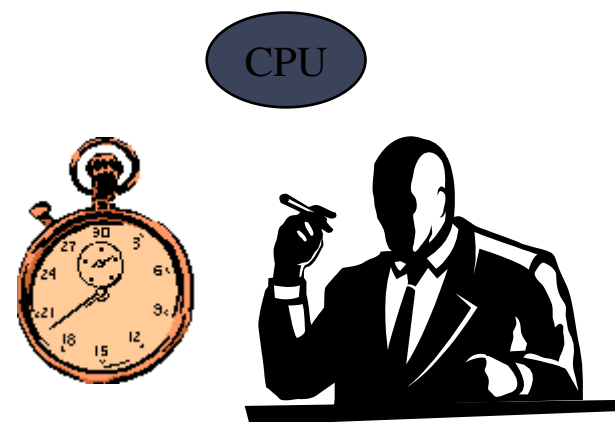


- “Chia để trị”, cô lập các hoạt động.
- Mỗi thời điểm chỉ giải quyết 1 yêu cầu.
- Ảo hoá tài nguyên: biến ít thành nhiều

HĐH: “Ai cũng có phần khi đến lượt mà!”

7

GIẢI PHÁP



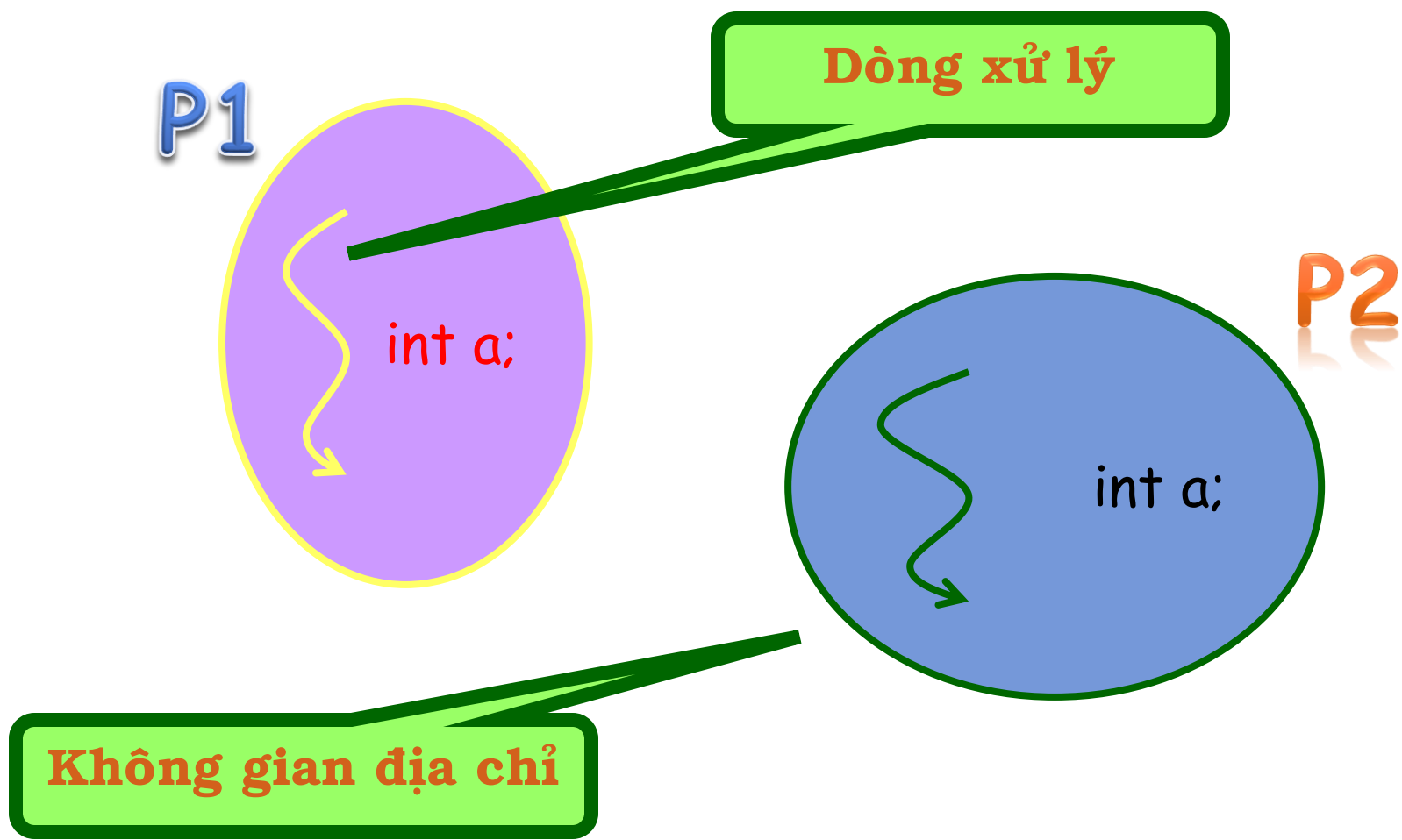
8

KHÁI NIỆM TIẾN TRÌNH (PROCESS)

- Tiến trình là một chương trình đang trong quá trình thực hiện
- Mỗi tiến trình sở hữu
 - Một CPU (ảo) riêng
 - Một không gian nhớ riêng
 - Chiếm giữ 1 số tài nguyên của hệ thống
- Vd: Một chương trình Word có thể được chạy 2 lần sẽ tạo ra 2 tiến trình khác nhau:
 - Microsoft Word – [Bai tap1.doc]
 - Microsoft Word – [Bai tap2.doc]

9

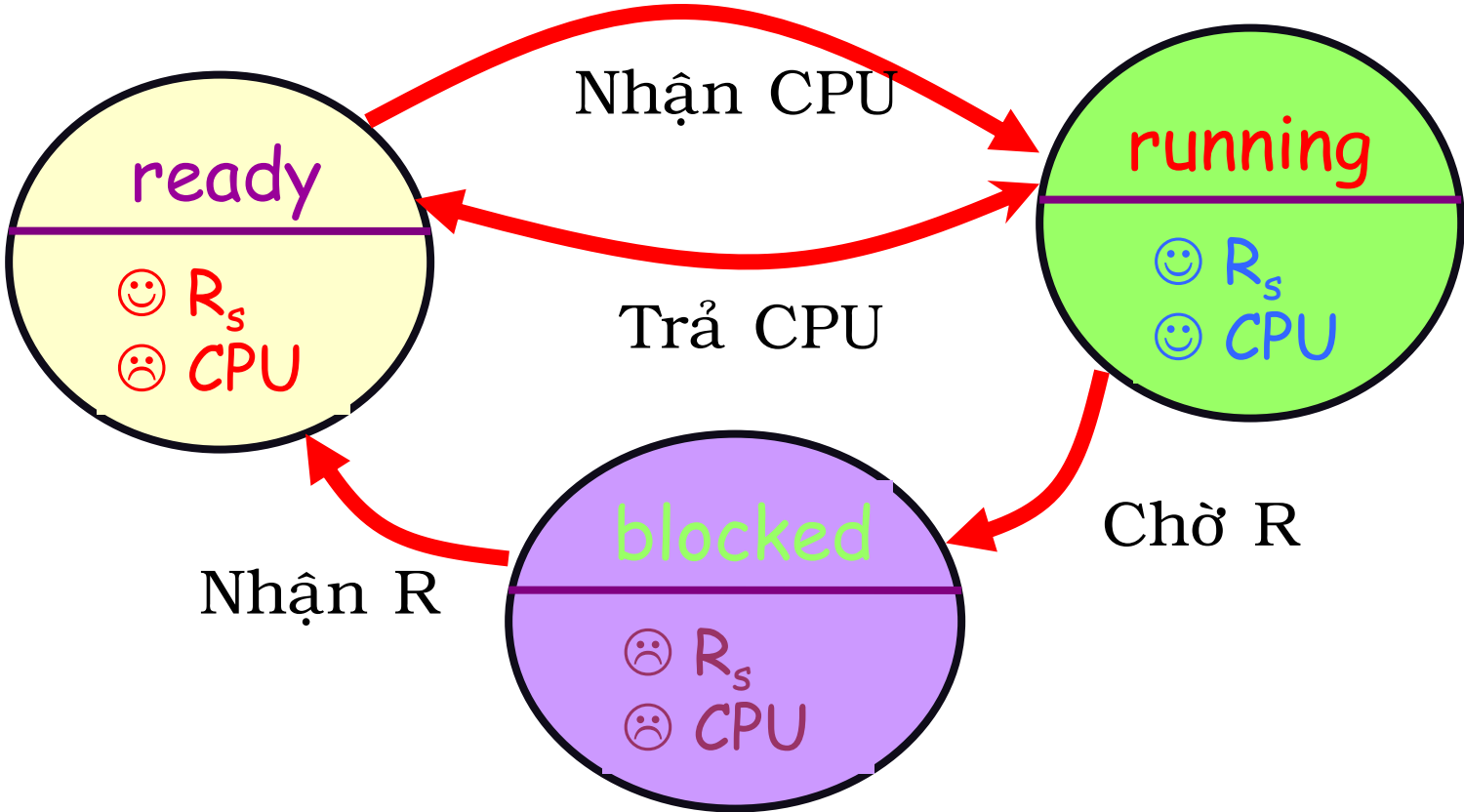
HAI PHẦN CỦA TIẾN TRÌNH



10

TRẠNG THÁI TIẾN TRÌNH?

- Tại 1 thời điểm, tiến trình ở một trong các trạng thái sau:



11

KHỐI QUẢN LÝ TIẾN TRÌNH

- Định danh (Process ID)
- Trạng thái tiến trình
- Ngữ cảnh tiến trình
 - Trạng thái CPU
 - Bộ xử lý (cho máy nhiều CPU)
 - Bộ nhớ chính
 - Tài nguyên sử dụng/tạo lập
- Thông tin giao tiếp
 - Tiến trình cha, tiến trình con
 - Độ ưu tiên
- Thông tin thống kê
 - Thời gian sử dụng CPU
 - Thời gian chờ



KHỐI QUẢN LÝ TIẾN TRÌNH – VÍ DỤ

```

typedef struct machpcb {
char    mpcb_frame[REGOFF];
struct  regs mpcb_regs;    // user's saved registers
struct  rwindow mpcb_wbuf[MAXWIN]; //user window save buffer
char    *mpcb_sdbuf[MAXWIN]; //sp's for each wbuf
int      mpcb_wbcnt; //number of saved windows in pcb_wbuf
struct  v9_fpu *mpcb_fpu;    // fpu state
struct  fq mpcb_fpu_q[MAXFPQ]; // fpu exception queue
int      mpcb_flags;    // various state flags
int      mpcb_wocnt;    // window overflow count
int      mpcb_wucnt;    // window underflow count
kthread_t *mpcb_thread;    // associated thread
} machpcb_t;
    
```

Khối quản lý tiến trình của HĐH MachOS

13

CÁC THAO TÁC TRÊN TIẾN TRÌNH

- Tạo lập tiến trình
- Kết thúc tiến trình
- Thay đổi trạng thái tiến trình :
 - Assign()
 - Block()
 - Awake()
 - Suspend()
 - Resume()

14

TẠO LẬP TIẾN TRÌNH

- Các tình huống :
 - Khởi động batch job
 - User logs on
 - Kích hoạt 1 service (print...)
 - Process gọi hàm tạo một tiến trình khác
- Các tiến trình có thể tạo tiến trình con, hình thành cây tiến trình trong hệ thống
- Các tiến trình mới được tạo có thể thừa hưởng tài nguyên từ cha, hay được cấp tài nguyên mới

15

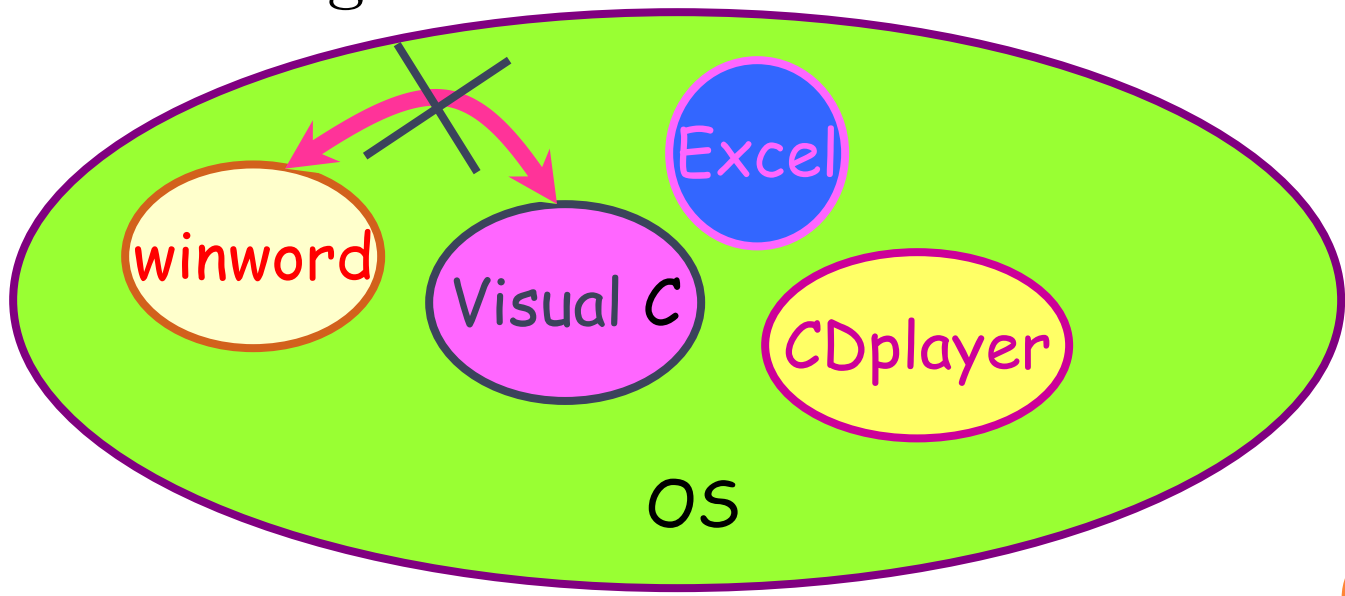
KẾT THÚC TIẾN TRÌNH

- Tình huống :
 - Tiến trình xử lý xong lệnh cuối cùng hay gọi exit ()
 - Kết thúc Batch job , *Halt* instruction
 - User logs off
 - Do lỗi chương trình
- Một tiến trình có thể kết thúc 1 tiến trình khác nếu có ID (định danh) của tiến trình kia.
 - Ví dụ: kill --s SIGKILL 1234: huỷ tiến trình có ID là 1234

16

Mô hình đa tiến trình (MultiProcesses)

- Hệ thống là một tập các tiến trình hoạt động đồng thời
- Các tiến trình độc lập với nhau => không có sự trao đổi thông tin hiển nhiên..



17

Ví dụ mô hình đa tiến trình

- Giờ thi lý thuyết môn Hệ Điều hành
 - Mỗi sinh viên là một tiến trình :
 - Cùng làm bài => Hoạt động đồng hành
 - Có bài thi , bút, giấy...riêng => Tài nguyên riêng biệt
 - Độc lập => Không trao đổi (về nguyên tắc)
- Thực hành môn Hệ Điều hành
 - 2 sinh viên/nhóm
 - Hợp tác đồng hành
 - Nhu cầu trao đổi
 - Dùng tài nguyên chung

18

Mô hình đa tiểu trình (MultiThreads)

- Nhiều tình huống cần có nhiều dòng xử lý đồng thời cùng hoạt động trong một không gian địa chỉ => cùng chia sẻ tài nguyên (server, OS, các chương trình tính toán song song : nhân ma trận...)



- Khái niệm mới : tiểu trình (thread)

19

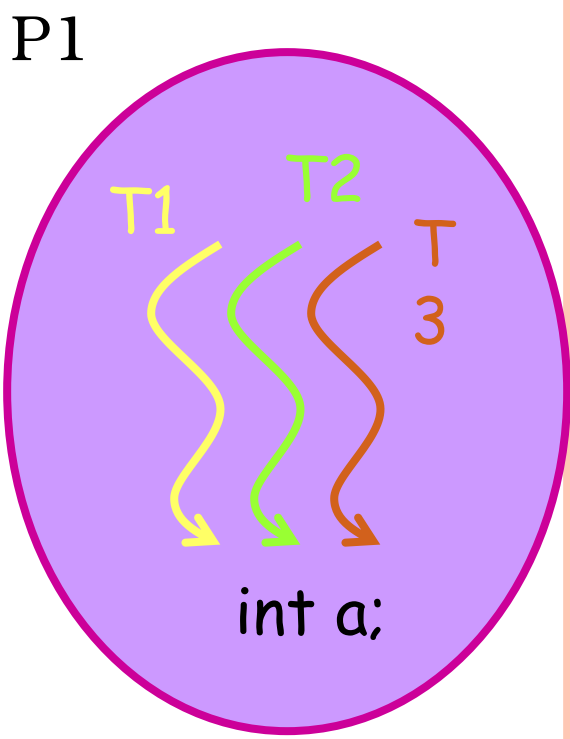
Ví dụ mô hình đa tiểu trình

- Thực hành môn Hệ Điều hành
 - Mỗi nhóm 2 sinh viên là một tiến trình :
 - Mỗi sinh viên là một tiểu trình
 - Cùng làm bài => Hoạt động đồng hành
 - Có bài thực hành chung => Tài nguyên chung
 - Trao đổi với nhau

20

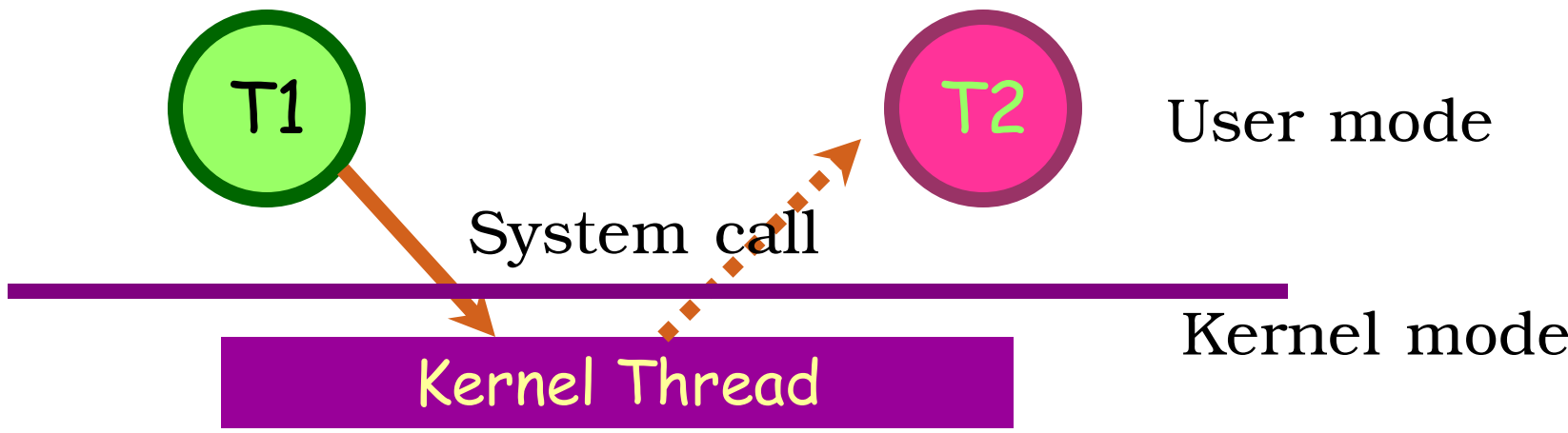
Tiểu trình vs Tiến trình

- Tiểu trình : 1 dòng xử lý
- Tiến trình :
 - 1 không gian địa chỉ
 - 1 hoặc nhiều tiểu trình
- Các tiến trình là độc lập
- Các tiểu trình trong cùng 1 tiến trình không có sự bảo vệ lẫn nhau (cần thiết ?).



21

Tiểu trình hạt nhân (Kernel Thread)

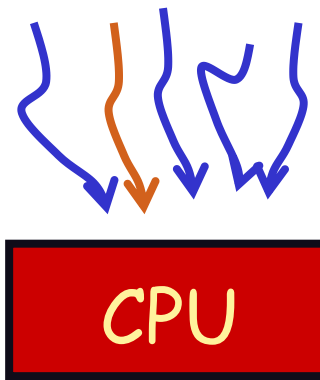


- Khái niệm tiểu trình được xây dựng bên trong hạt nhân
- Đơn vị xử lý là tiểu trình
- Ví dụ :
 - Windows 95/98/NT/2000
 - Solaris, Tru64 UNIX, BeOS, Linux

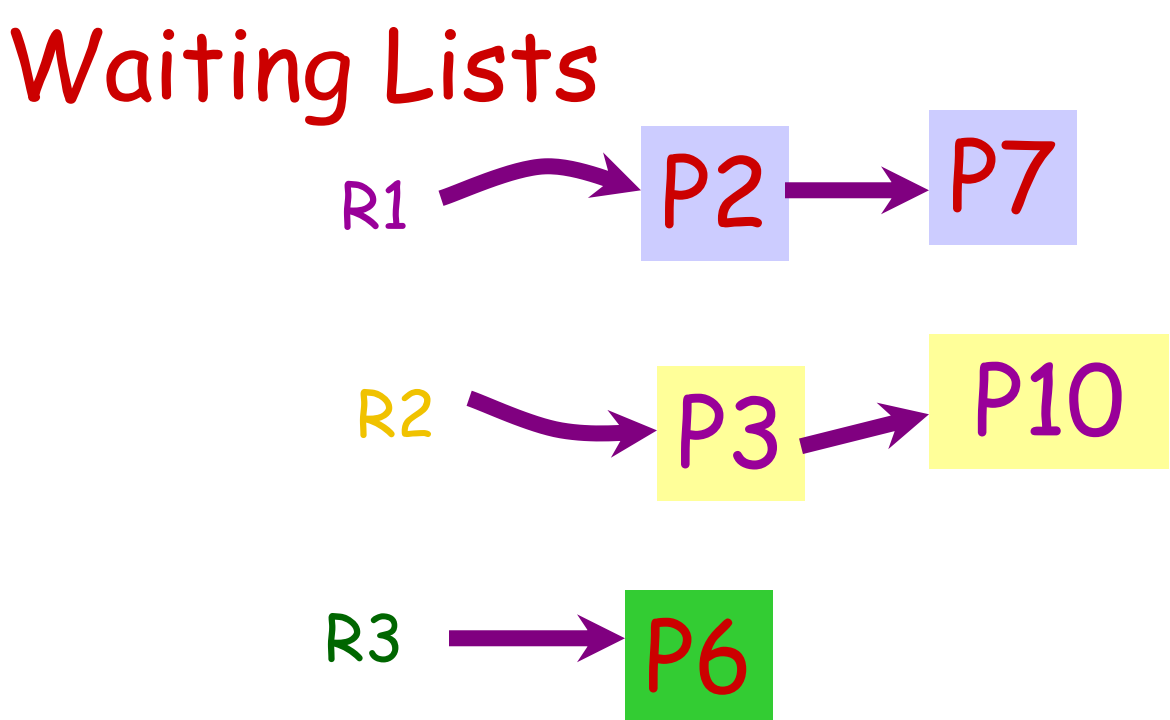
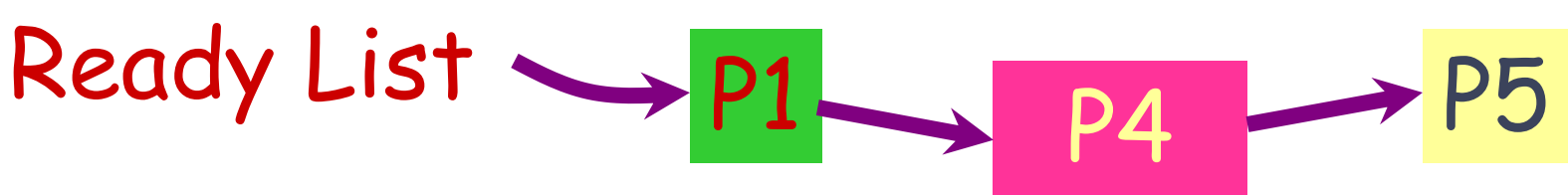
22

Phân chia CPU ?

- 1 CPU vật lý : làm thế nào để tạo ảo giác mỗi tiến trình sở hữu CPU riêng của mình ?
→ Luân chuyển CPU giữa các tiến trình
- 2 thành phần đảm nhiệm vai trò điều phối:
 - Scheduler chọn 1 tiến trình
 - Dispatcher chuyển CPU cho tiến trình được chọn



Các danh sách tiến trình



24

SCHEDULER - NHIỆM VỤ

- Ra quyết định chọn một tiến trình để cấp phát CPU :
- Ứng cử viên = {Các tiến trình ready list}
- 0 tiến trình : CPU rảnh rồi (idle)!
- 1 tiến trình : không cần suy nghĩ nhiều, đúng không ?
- >1 : chọn ai bây giờ ? → Cần có thuật toán điều phối

25

DISPATCHER - NHIỆM VỤ

- Nhiệm vụ của **Dispatcher**: Chuyển đổi ngữ cảnh
- Xét ví dụ
 - Tiến trình A đang dùng CPU 1 chút thì bị HĐH thu hồi CPU
 - HĐH cấp CPU cho B dùng 1 chút, HĐH thu hồi lại CPU.
 - HĐH cấp CPU trở lại cho A.→ Giá trị các thanh ghi giữa những lần chuyển đổi CPU ?
- Kịch bản :
 - Lưu ngữ cảnh tiến trình hiện hành
 - Nạp ngữ cảnh tiến trình được chọn kế tiếp

26

DISPATCHER - THẢO LUẬN

- Bản thân HĐH cũng là 1 phần mềm, nghĩa là cũng sử dụng CPU để có thể chạy được.
- Câu hỏi: Khi tiến trình A đang chiếm CPU, làm thế nào HĐH có thể thu hồi CPU lại được ? (vì lúc này HĐH không giữ CPU)
 - Ép buộc NSD thỉnh thoảng trả CPU lại cho HĐH ? Có khả thi ?
 - Máy tính phải có 2 CPU, 1 dành riêng cho HĐH ?→ HĐH sử dụng ngắt đồng hồ (**ngắt điều phối**) để kiểm soát hệ thống
 - Mỗi khi có ngắt đồng hồ, HĐH kiểm tra xem có cần thu hồi CPU từ 1 tiến trình nào đó lại hay không ?
 - HĐH chỉ thu hồi CPU khi có ngắt đồng hồ phát sinh.
 - Khoảng thời gian giữa 2 lần ngắt điều phối gọi là **chu kỳ đồng hồ** (tối thiểu là 18.2 lần / giây)

28

LỰA CHỌN TIẾN TRÌNH ?

- Tác vụ của **Scheduler**
- Mục tiêu ?
 - Sử dụng CPU hiệu quả
 - Đảm bảo tất cả các tiến trình đều tiến triển xử lý
- Tiêu chuẩn lựa chọn ?
 - Tất cả các tiến trình đều như nhau ?
 - Đề xuất một độ ưu tiên cho mỗi tiến trình ?
- Thời điểm lựa chọn ? (Thời điểm kích hoạt Scheduler())

29

MỤC TIÊU ĐIỀU PHỐI

- Hiệu quả (Efficiency)
 - ⬇ Thời gian
 - ⬇ Đáp ứng (**Response time**)
 - ⬇ Hoàn tất (**Turnaround Time** = $T_{quit} - T_{arrive}$):
 - ⬇ Chờ (**Waiting Time** = T in Ready) :
 - ⬆ Thông lượng (**Throughput** = # jobs/s)
 - ⬆ Hiệu suất Tài nguyên
 - ⬇ Chi phí chuyển đổi
- Công bằng (Fairness): Tất cả các tiến trình đều có cơ hội nhận CPU

30

HAI NGUYÊN TẮC ĐIỀU PHỐI CPU

Độc quyền

```
while (true) {
  save state  $P_{cur}$ 
  Scheduler.NextP() →  $P_{next}$ 
  load state  $P_{next}$ 
  resume  $P_{next}$ 
  wait for  $P_{next}$ 
}
```

Không độc quyền

```
while (true) {
  interrupt  $P_{cur}$ 
  save state  $P_{cur}$ 
  Scheduler.NextP() →  $P_{next}$ 
  load state  $P_{next}$ 
  resume  $P_{next}$ 
}
```

THỜI ĐIỂM RA QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU PHỐI

- Điều phối độc quyền (non-preemptive scheduling): tiến trình được chọn có quyền độc chiếm CPU
 - Các thời điểm kích hoạt Scheduler
 - P_{cur} kết thúc
 - P_{cur} : running ->blocked
- Điều phối không độc quyền (preemptive scheduling): tiến trình được chọn có thể bị **cướp** CPU bởi tiến trình có độ ưu tiên cao hơn
 - Các thời điểm kích hoạt Scheduler
 - P_{cur} kết thúc
 - P_{cur} : Running -> Blocked
 - Q : Blocked / New -> Ready

32

ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC ĐIỀU PHỐI

- Sử dụng 2 đại lượng đo :
 - Turn- around time = $T_{quit} - T_{arrive}$: từ lúc vào HT đến khi hoàn tất
 - Waiting time = $T_{in\ Ready}$
- Xét trường hợp trung bình
 - N tiến trình
 - $Avg_{Turn-around\ time} = (\sum Turn-around\ time_{P_i})/N$
 - $Avg_{Waiting\ time} = (\sum Waiting\ time_{P_i})/N$

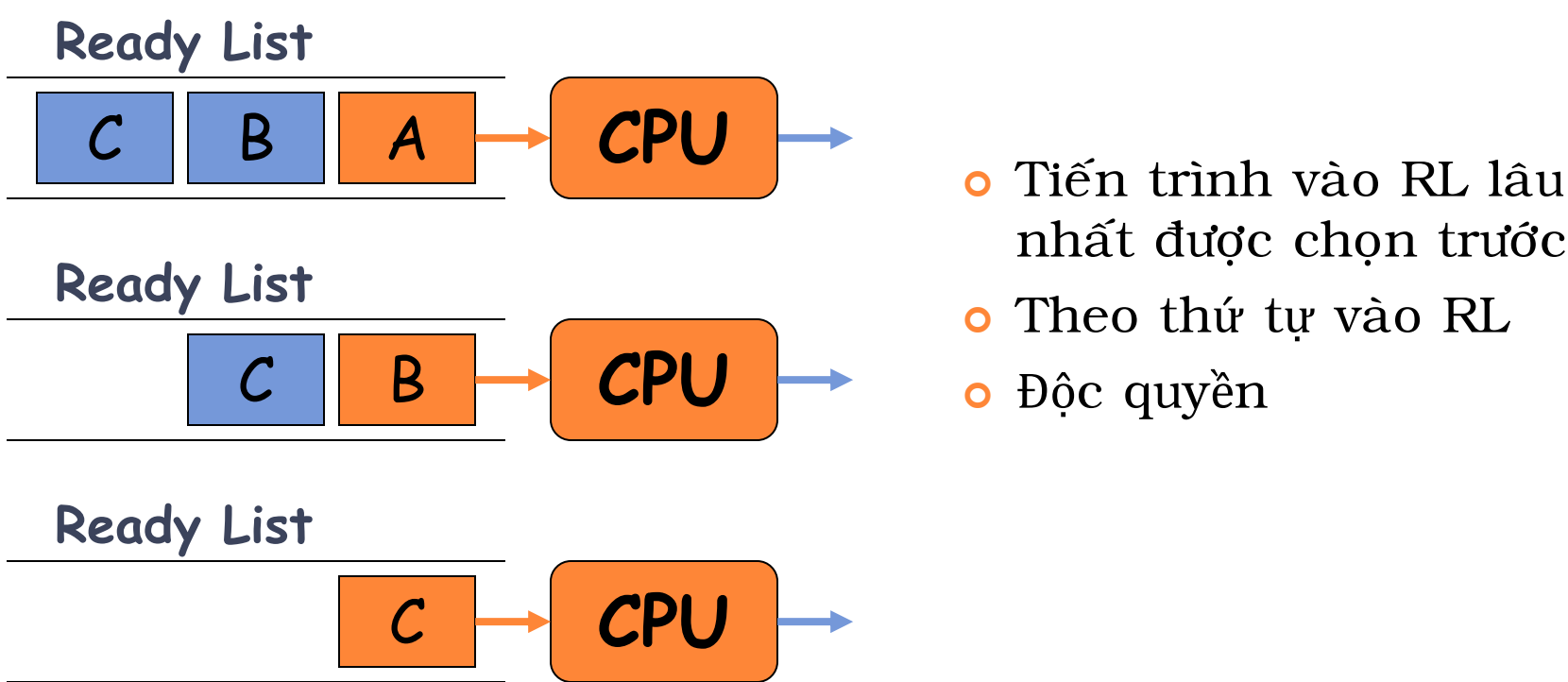
33

CÁC CHIẾN LƯỢC ĐIỀU PHỐI

- FIFO (FCFS)
- Xoay vòng (Round Robin)
- Theo độ ưu tiên
- Công việc ngắn nhất (SJF)
- Nhiều mức độ ưu tiên

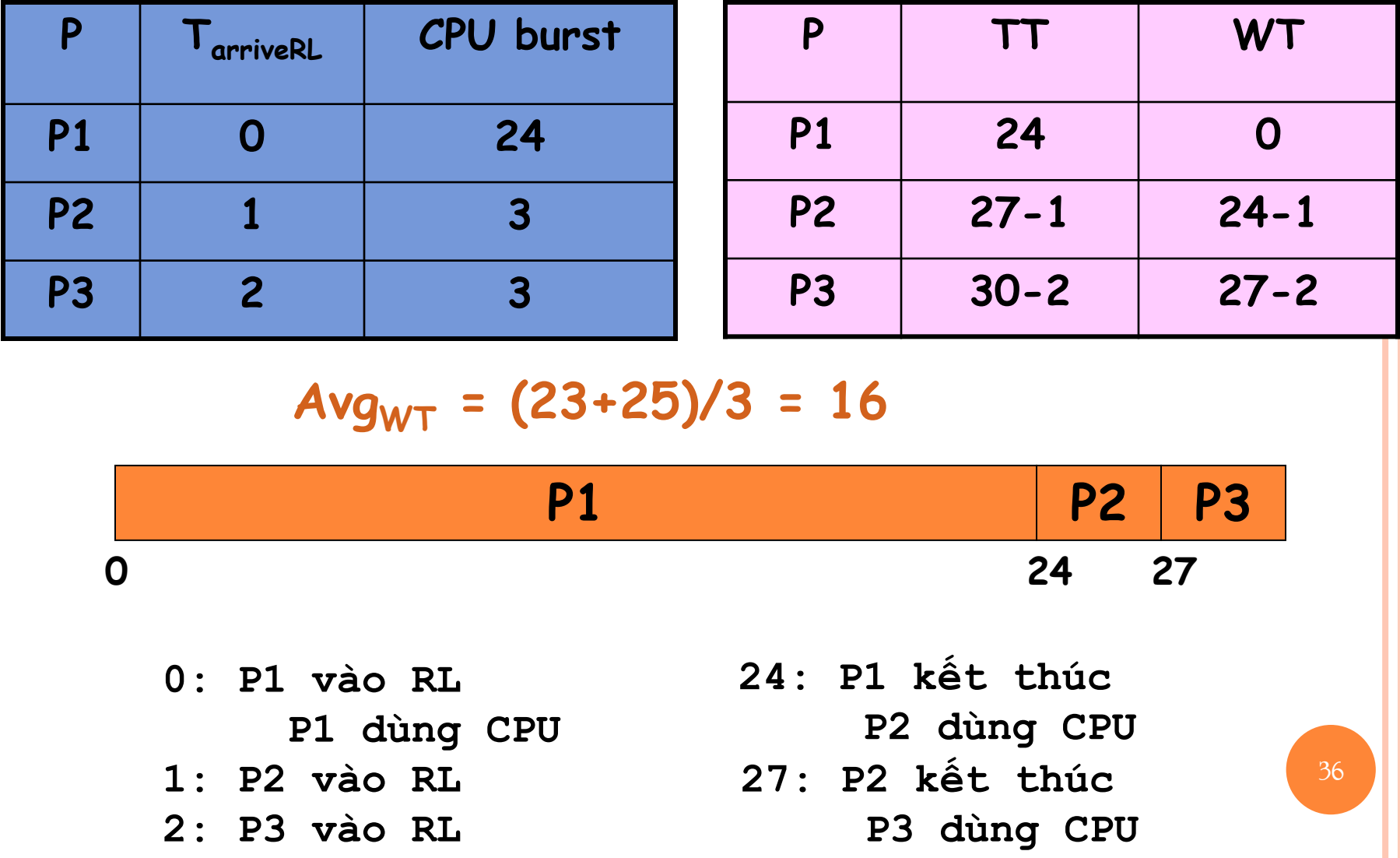
34

FCFS (FIRST COMES FIRST SERVED)



35

MINH HỌA FCFS



36

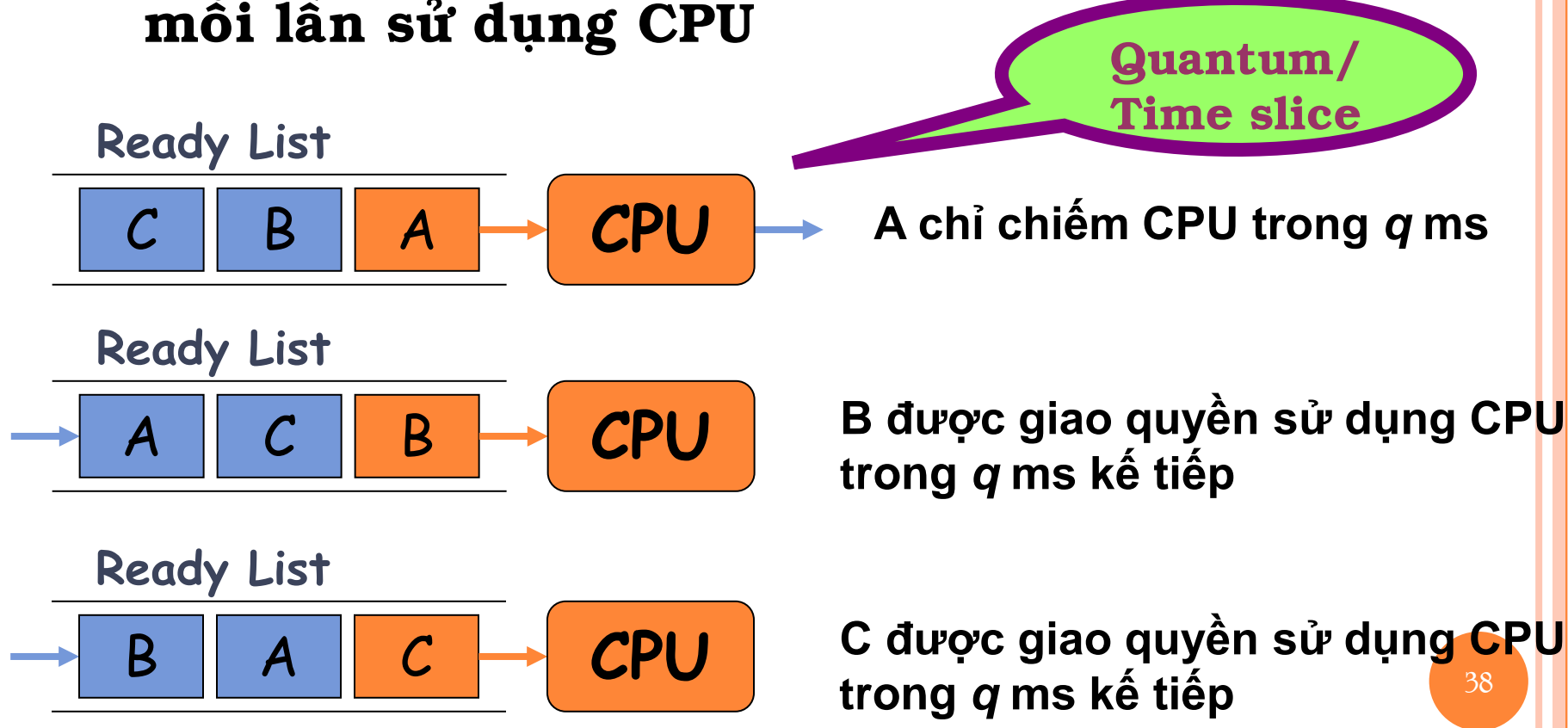
NHẬN XÉT FCFS

- Đơn giản
- Chịu đựng hiện tượng tích lũy thời gian chờ
 - Tiến trình có thời gian xử lý ngắn đợi tiến trình có thời gian xử lý dài
 - ➔ Ưu tiên tiến trình cpu-bounded
- Có thể xảy ra tình trạng độc chiếm CPU

37

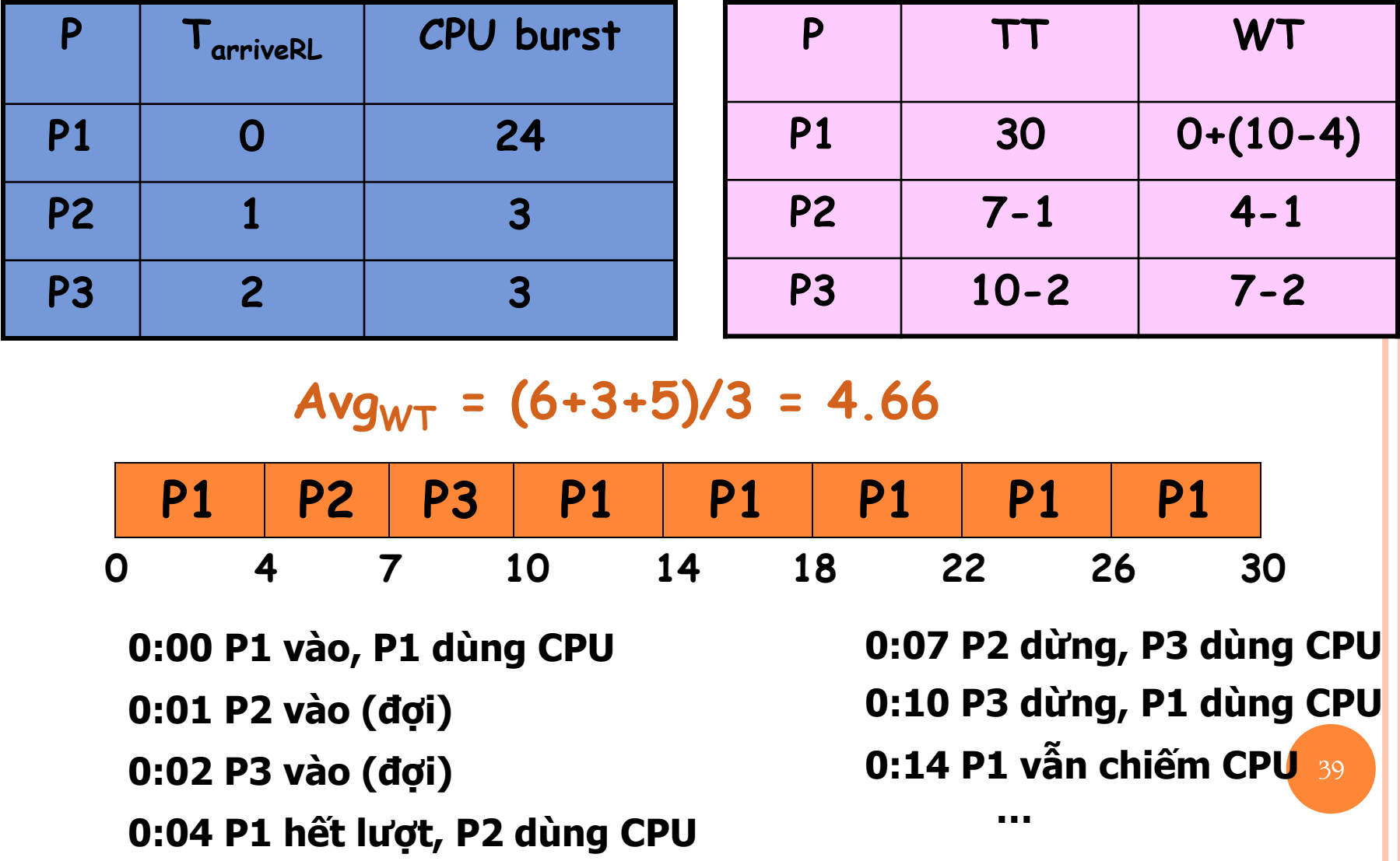
ĐIỀU PHỐI XOAY VÒNG ROUND ROBIN (RR)

- Điều phối theo nguyên tắc FCFS
- Mỗi tiến trình chỉ sử dụng một lượng q cho mỗi lần sử dụng CPU



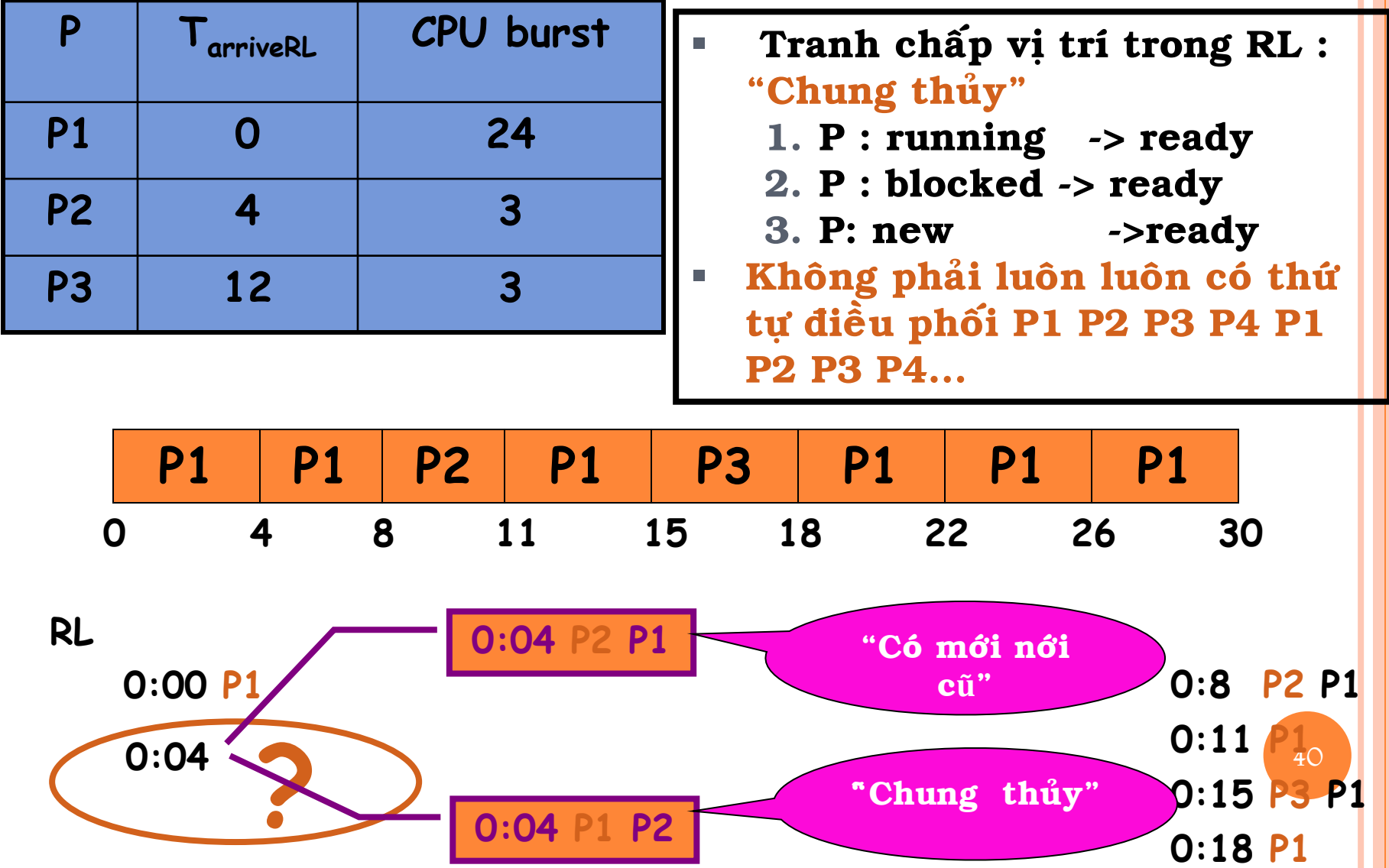
38

MINH HỌA RR, Q=4



39

MINH HỌA RR, Q=4



40

ROUND ROBIN

- Khi nào kết thúc 1 lượt sử dụng CPU
 - Hết thời lượng q ms (quantum) cho phép
 - Tiến trình kết thúc
 - Tiến trình bị khóa
 - Chờ Rs
 - Chờ biến cố

ROUND ROBIN – NHẬN XÉT

- Sử dụng cơ chế không độc quyền
- Mỗi tiến trình không phải đợi quá lâu
- Loại bỏ hiện tượng độc chiếm CPU
- Hiệu quả ?
 - Phụ thuộc vào việc chọn lựa quantum q
 - q quá lớn ???
 - q quá nhỏ ???

Bao lâu ?

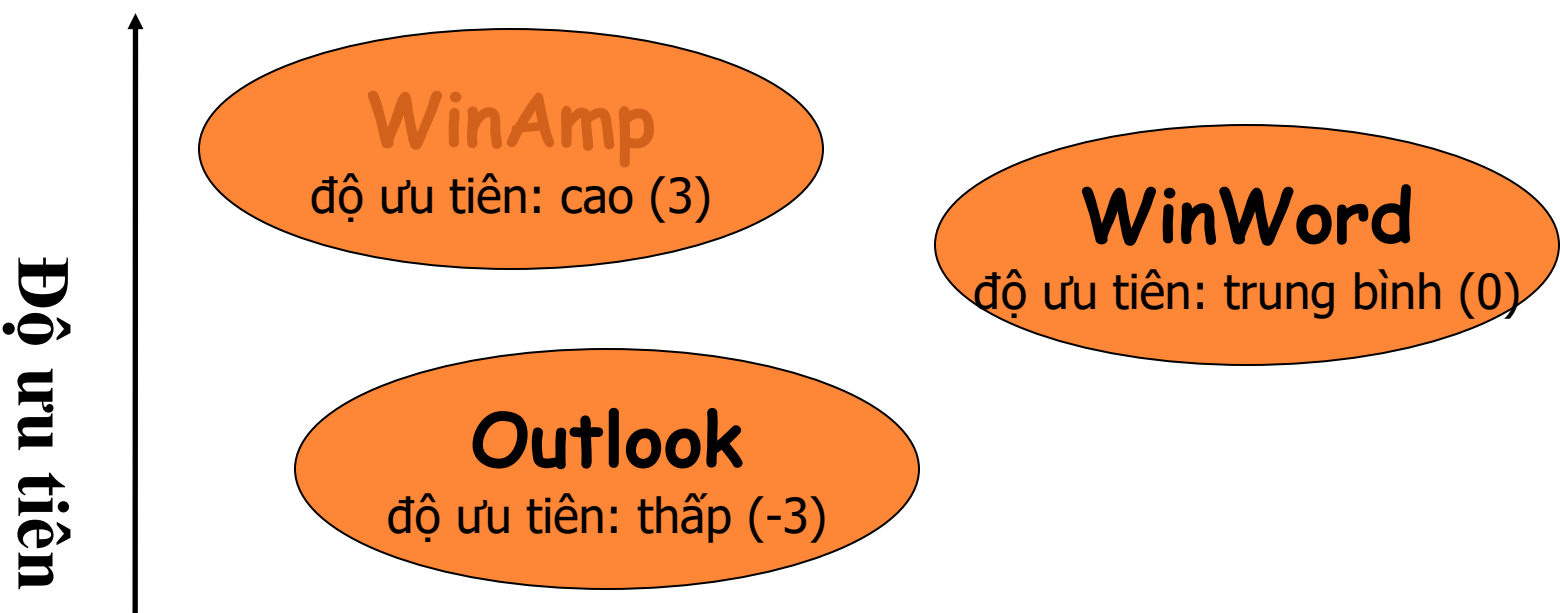
Giảm tính tương tác

Tăng chi phí chuyển đổi ngữ cảnh

- Trường hợp xấu nhất của RR ?

ĐIỀU PHỐI VỚI ĐỘ ƯU TIÊN

Phân biệt tiến trình quan trọng >< tiến trình bình thường?



- Tiến trình có độ ưu tiên cao nhất được chọn cấp CPU trước

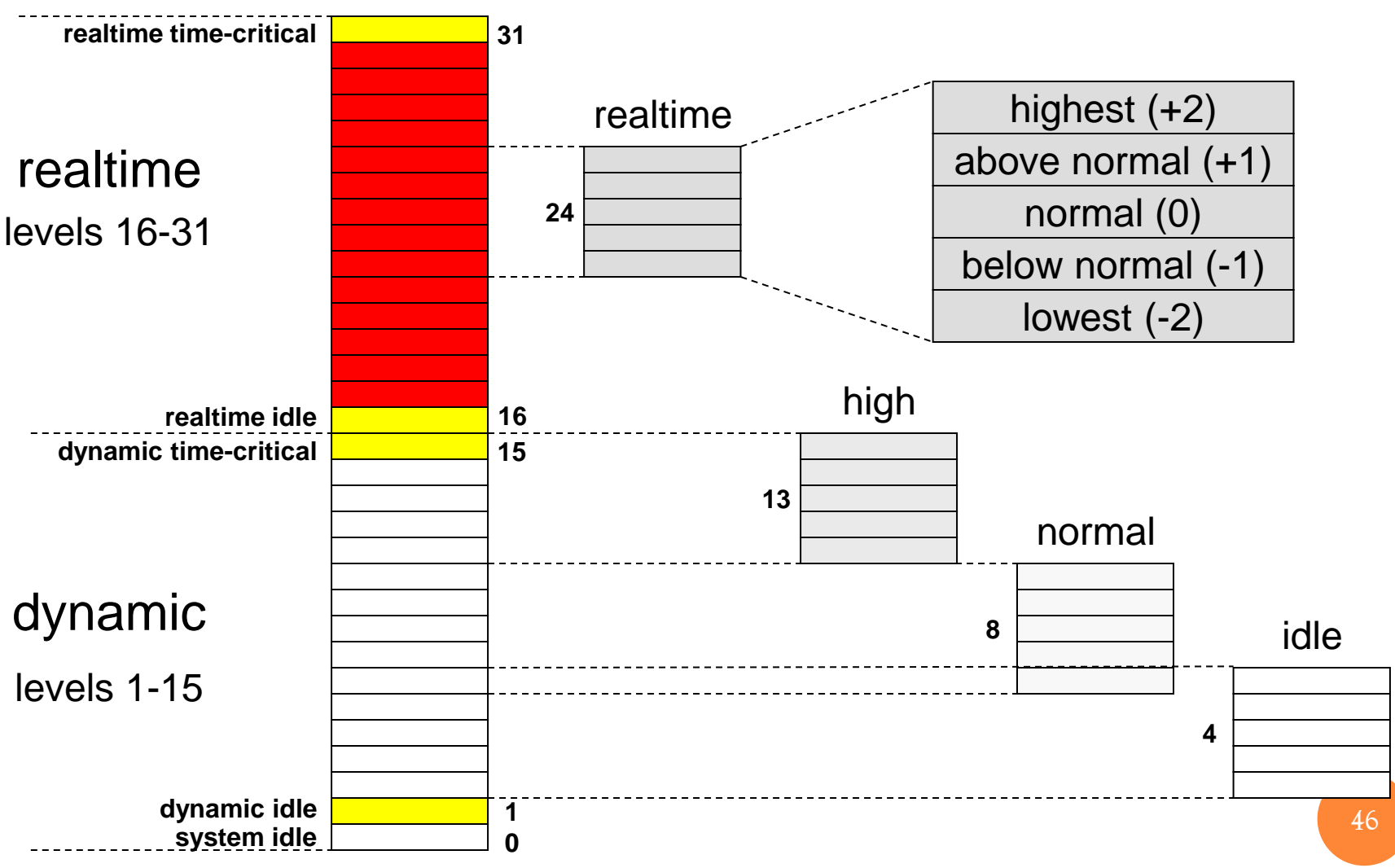
ĐIỀU PHỐI VỚI ĐỘ ƯU TIÊN

- Cách tính độ ưu tiên?
 - Hệ thống gán: CPU times,...
 - Người dùng gán tường minh
- Tính chất độ ưu tiên :
 - Tĩnh
 - Động

VÍ DỤ: ĐỘ ƯU TIÊN CỦA HĐH WINNT

- WinNT gán cho mỗi tiến trình độ ưu tiên có giá trị giữa 0 & 31
 - 0 (độ ưu tiên nhỏ nhất): dành riêng cho trạng thái *system idle*
- Độ ưu tiên được phân theo nhóm:
 - Realtime : (16 - 31)
 - Thích hợp cho các tiến trình thời gian thực
 - Dành riêng cho các tiến trình của người quản trị hệ thống
 - Dynamic : (0 - 15)
 - Thích hợp cho các tiến trình của người dùng thường
 - Chia thành 3 mức :
 - high (11 - 15)
 - normal (6 - 10)
 - idle (2 - 6)

BIỂU ĐỒ PHÂN BỐ ĐỘ ƯU TIÊN CỦA WINNT



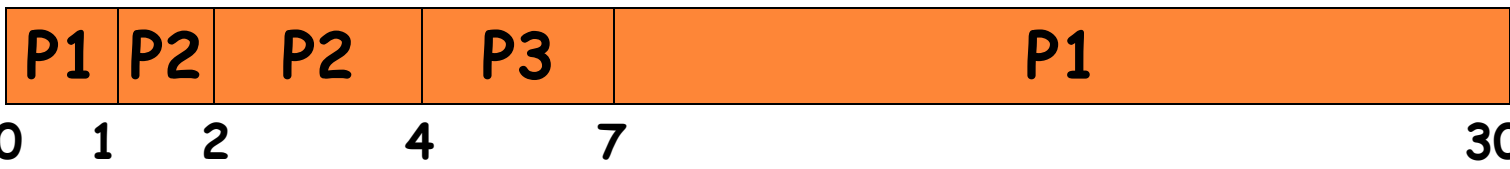
NGUYÊN TẮC ĐIỀU PHỐI

- Độc quyền
 - Lượt sử dụng CPU kết thúc khi:
 - tiến trình kết thúc,
 - tiến trình bị khóa
- Không độc quyền
 - Lượt sử dụng CPU kết thúc khi:
 - tiến trình kết thúc,
 - tiến trình bị khóa,
 - có tiến trình với độ ưu tiên cao hơn vào RL

ĐỘ ƯU TIÊN – KHÔNG ĐỘC QUYỀN

P	T _{RL}	Priority	CPU burst	P	TT	WT
P1	0	0	24	P1	30	0+(7-1)
P2	1	2	3	P2	4-1	0
P3	2	1	3	P3	7-2	4-2

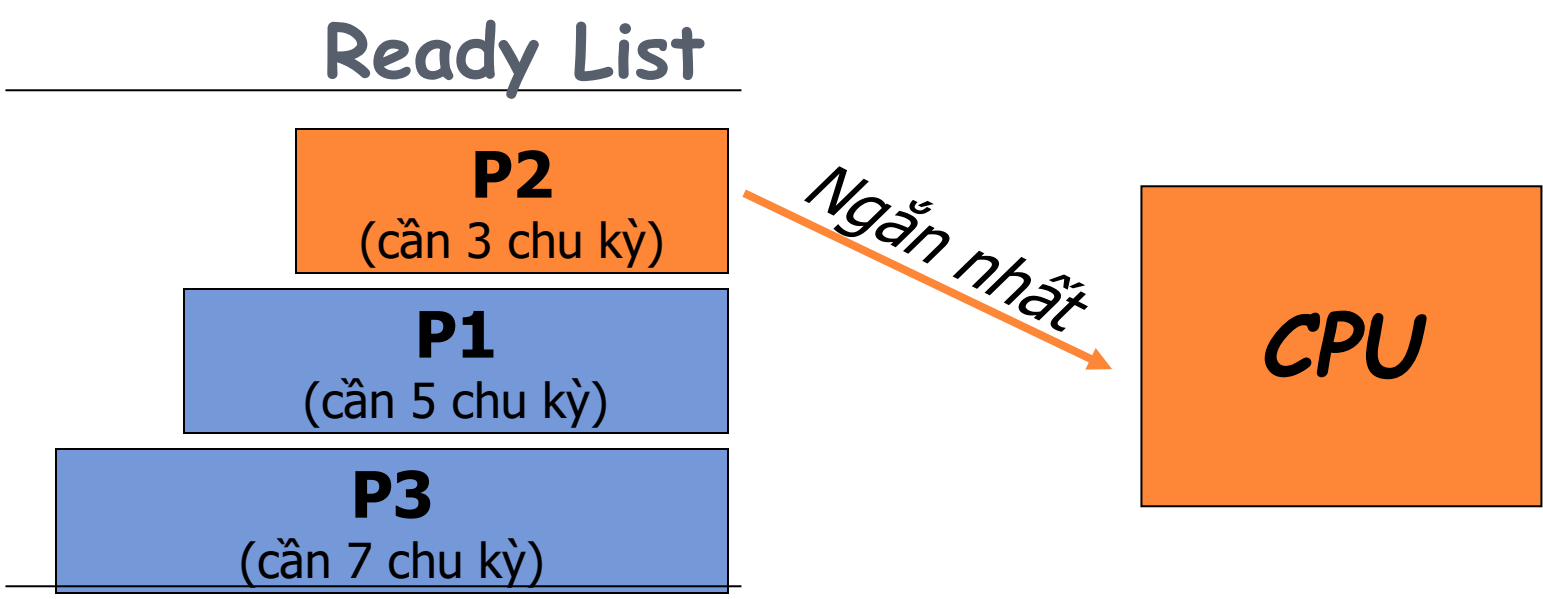
$$Avg_{WT} = (6+0+2)/3 = 2.66$$



- 0: P1 vào, P1 dùng CPU
- 1: P2 vào (độ ưu tiên cao hơn P1)
- 2: P3 vào (độ ưu tiên thấp hơn P2)
- 4: P2 kết thúc, P3 dùng CPU
- 7: P3 dùng, P1 dùng CPU
- 30: P1 dùng
- P2 dành quyền dùng CPU
- P3 không dành được quyền dùng CPU

- Số phận tiến trình có độ ưu tiên thấp?
 - Chờ lâu, lâu, lâu ...
 - ➔ Giải quyết: tăng độ ưu tiên cho những tiến trình chờ lâu trong hệ thống (Aging)

49



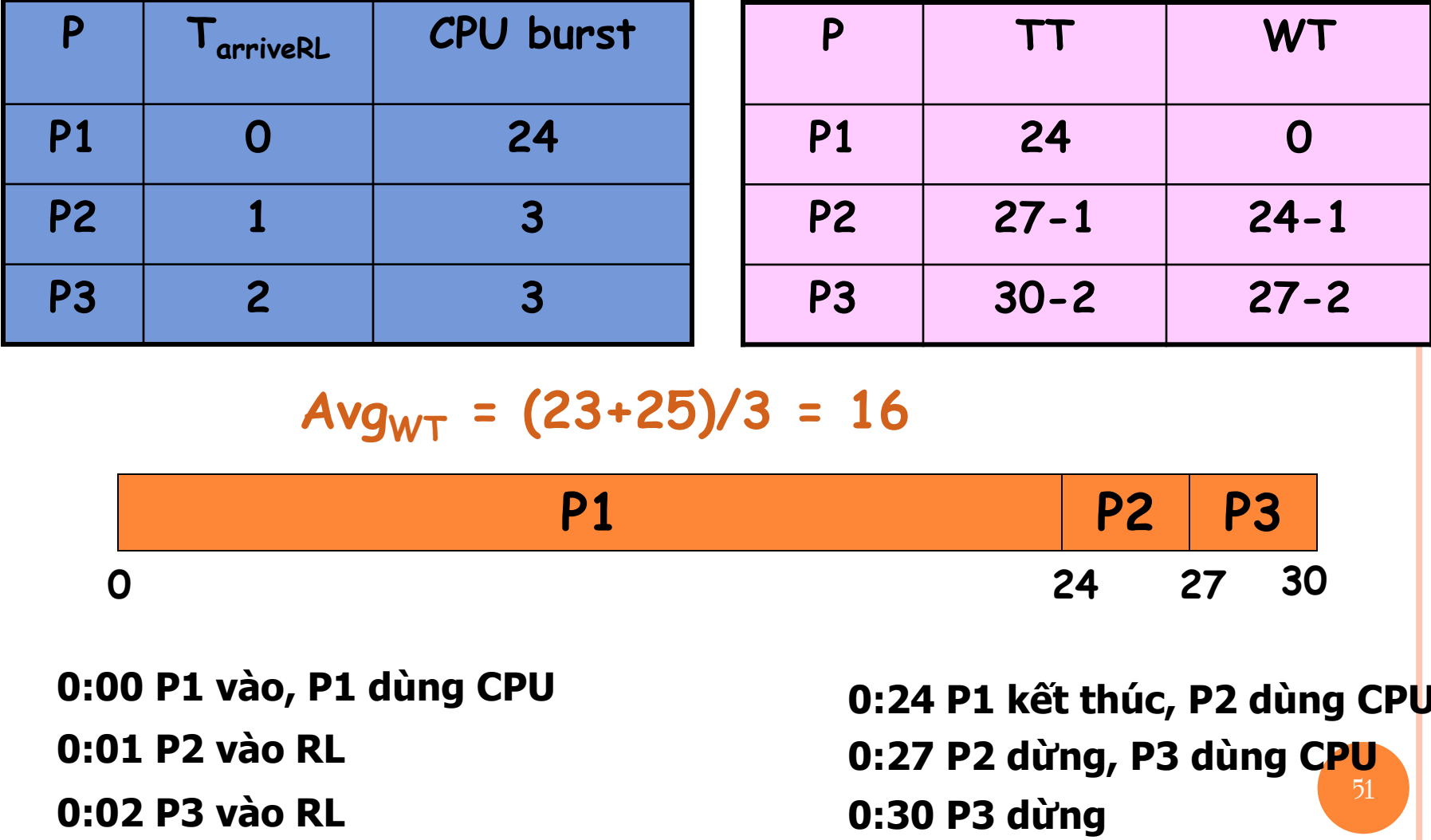
Là một dạng độ ưu tiên đặc biệt với độ ưu tiên

$p_i = \text{thời_gian_còn_lại}(\text{Process}_i)$

➔ Có thể cài đặt độc quyền hoặc không độc quyền

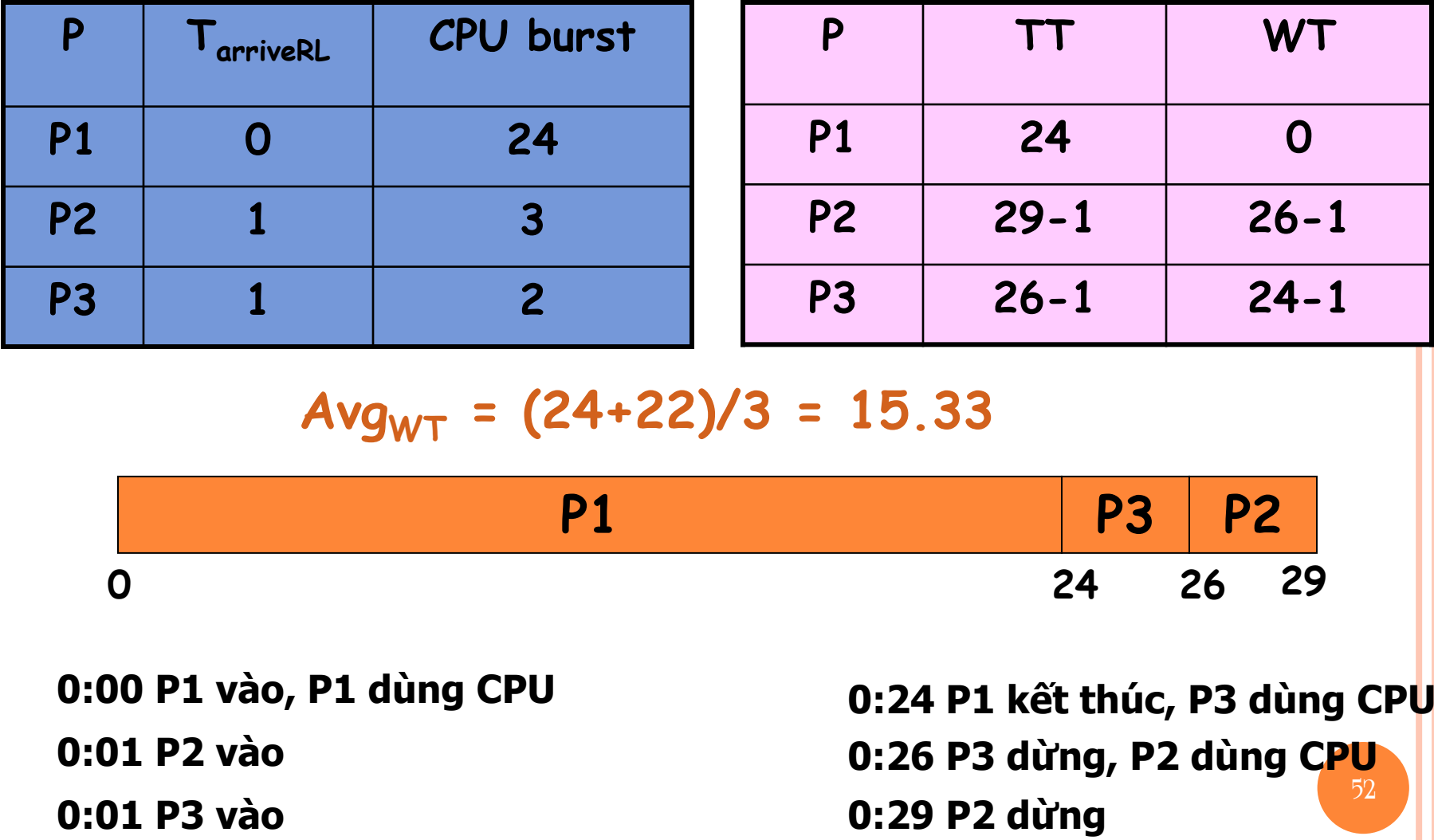
50

MINH HỌA SJF (ĐỘC QUYỀN)(1)



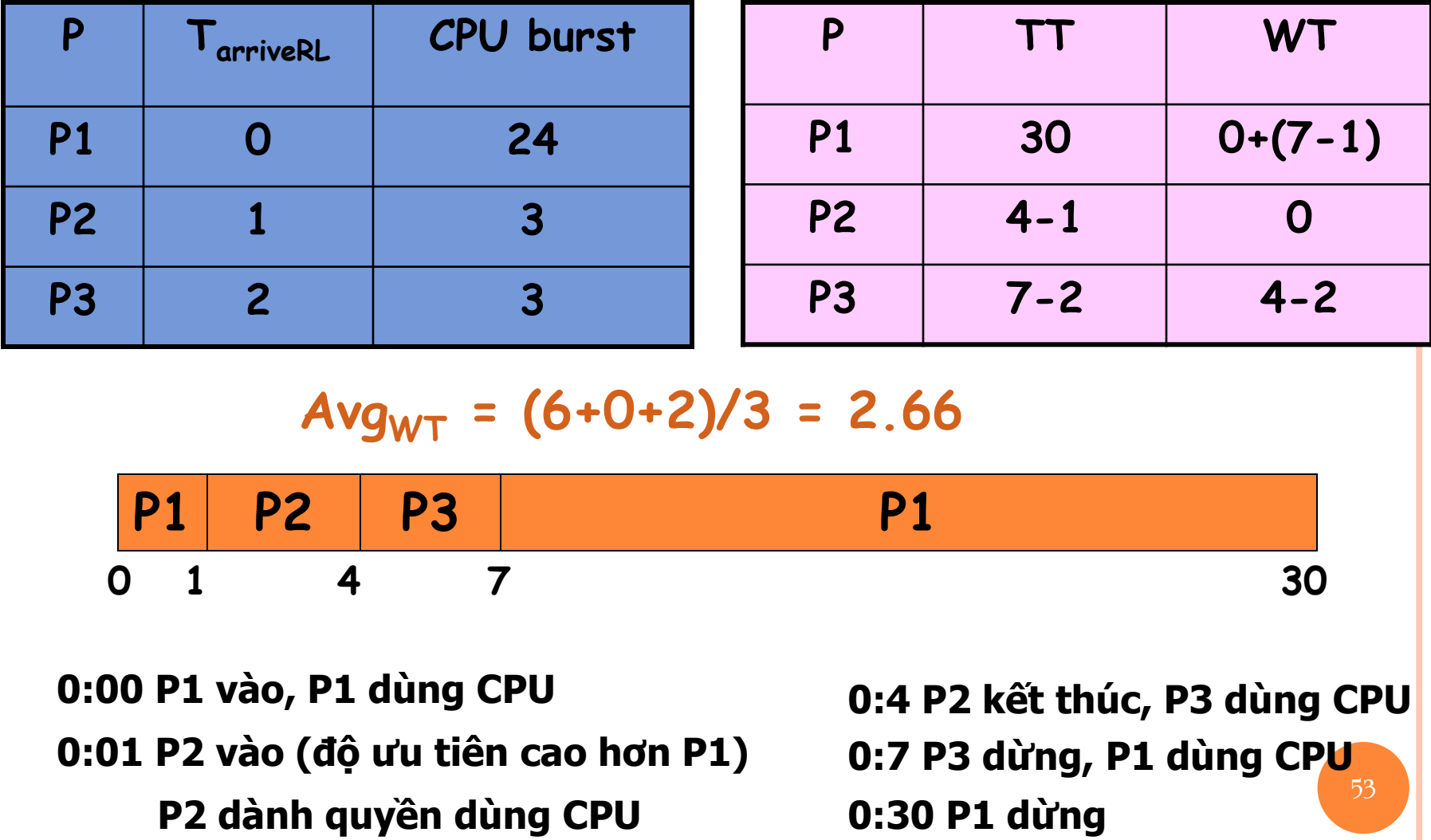
51

MINH HỌA SJF (ĐỘC QUYỀN)(2)



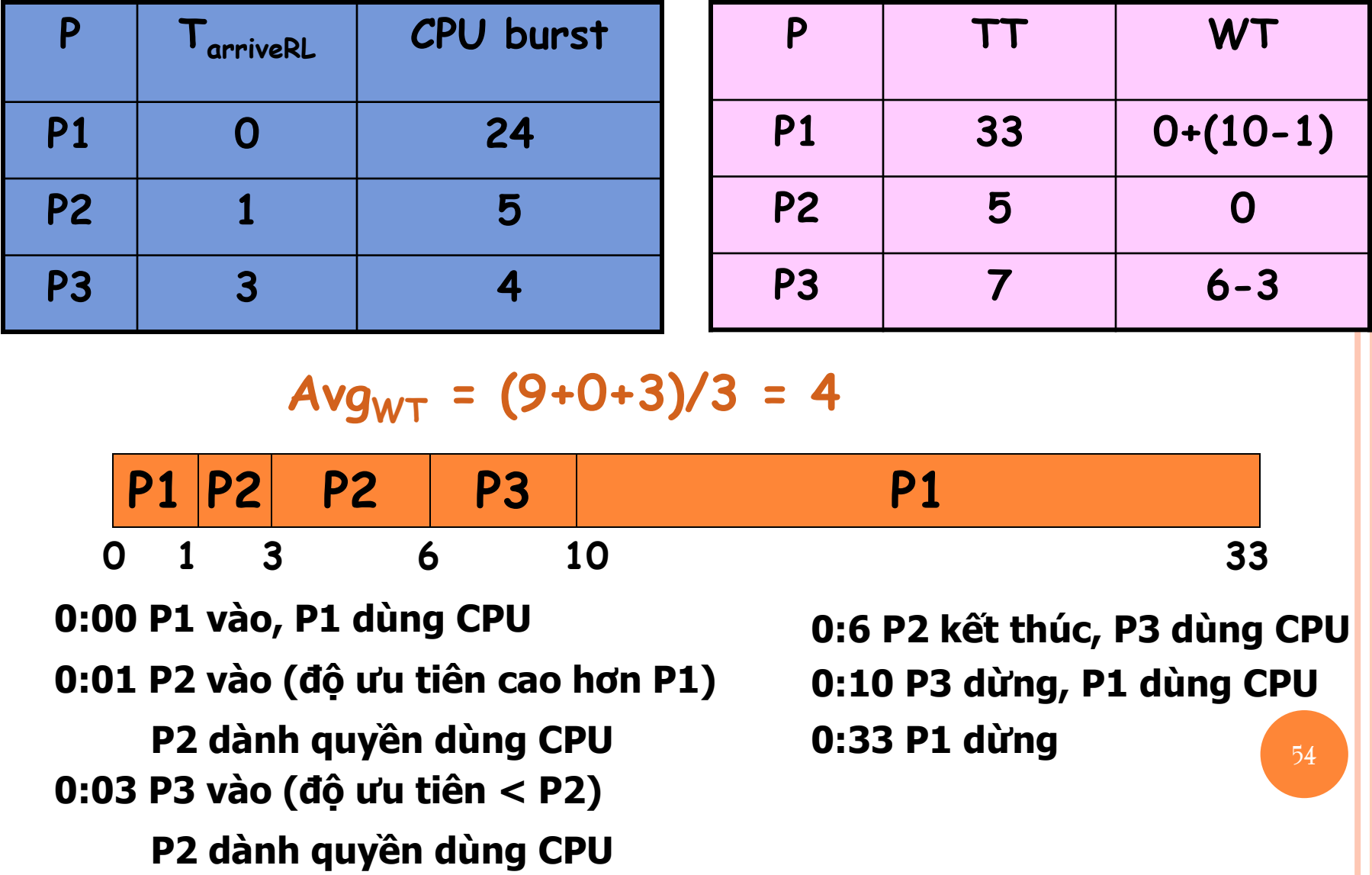
52

MINH HỌA SJF (KHÔNGĐỘC QUYỀN) (1)



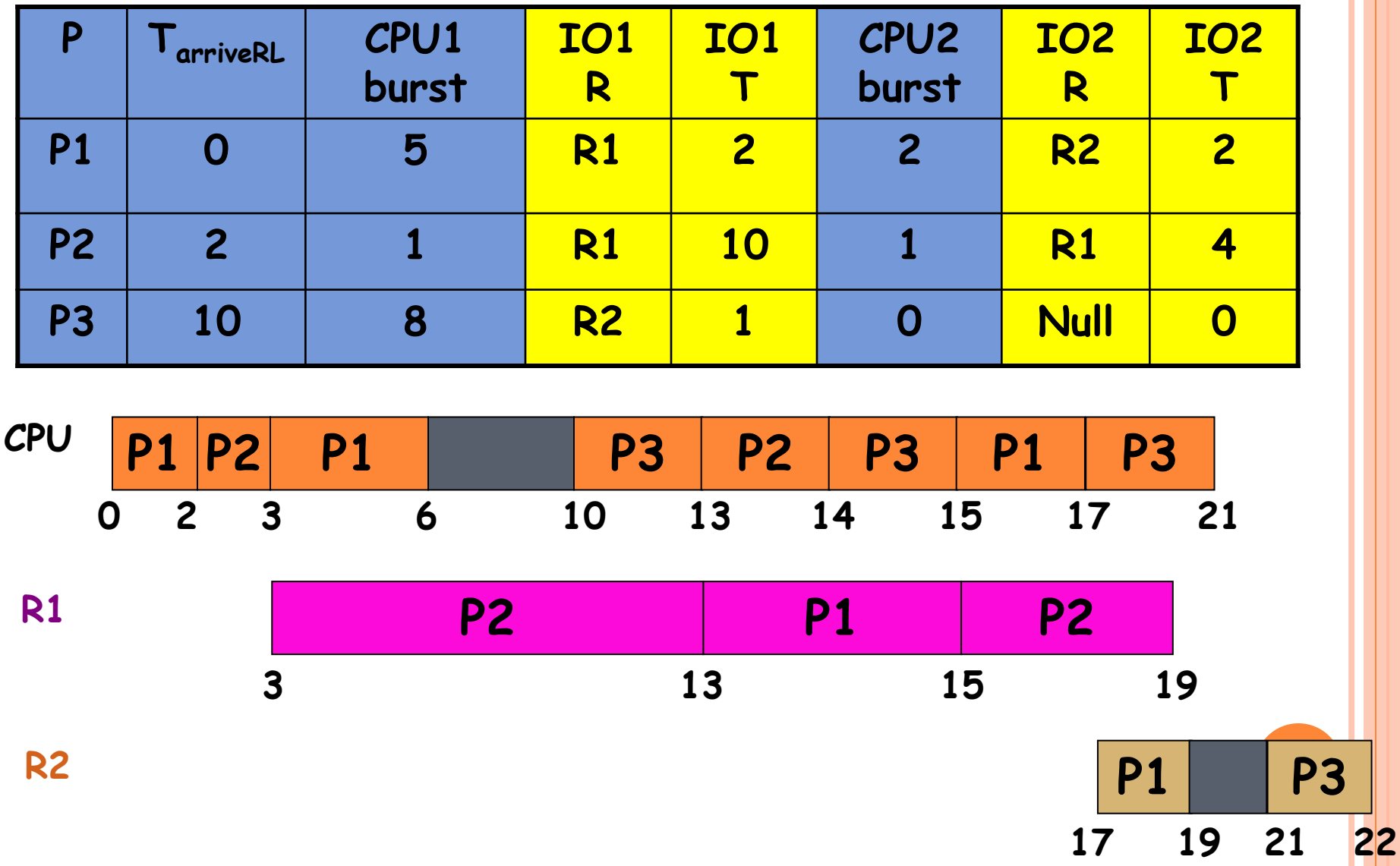
53

MINH HỌA SJF (KHÔNGĐỘC QUYỀN) (2)



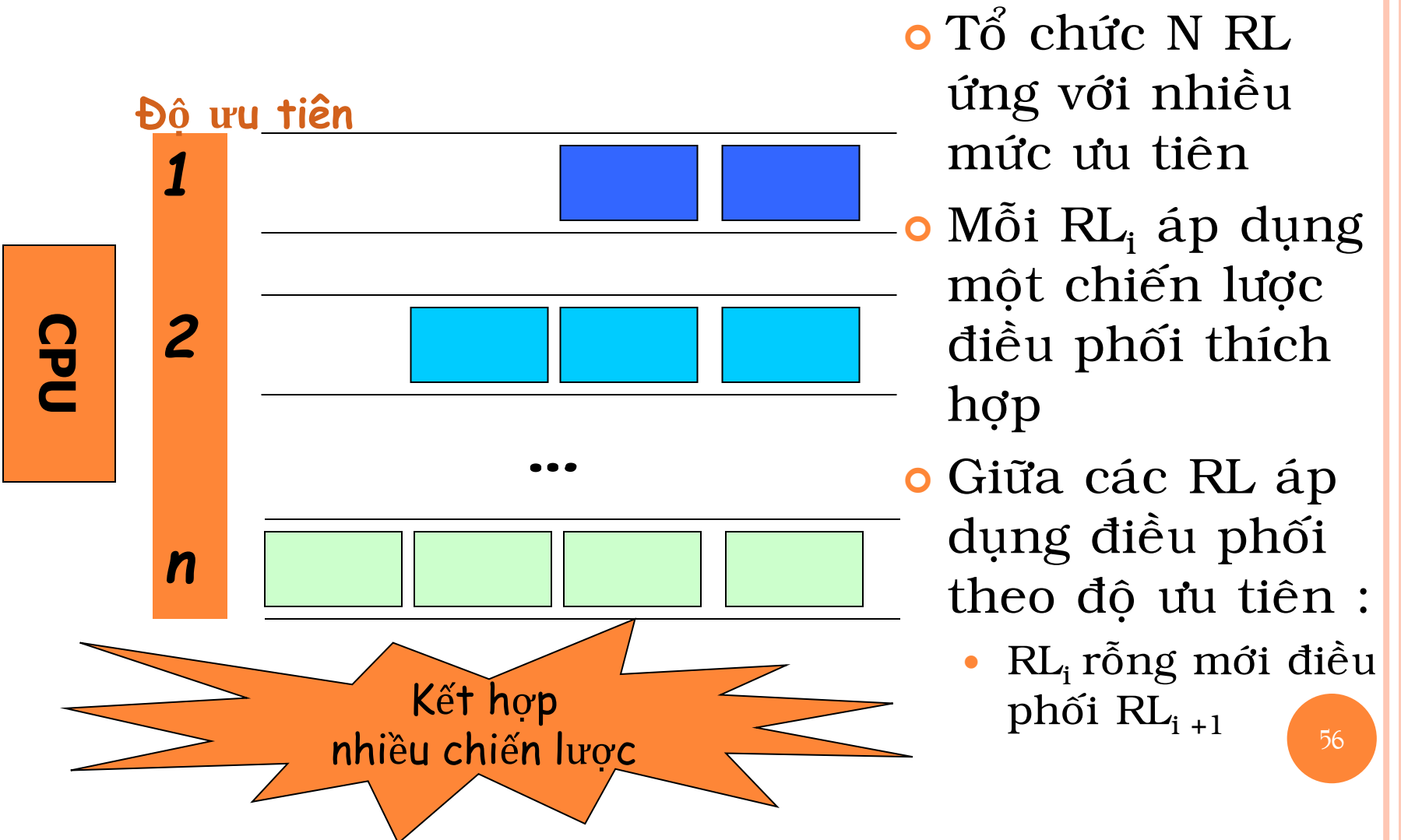
54

MINH HỌA SJF (NHIỀU CHU KỲ CPU)

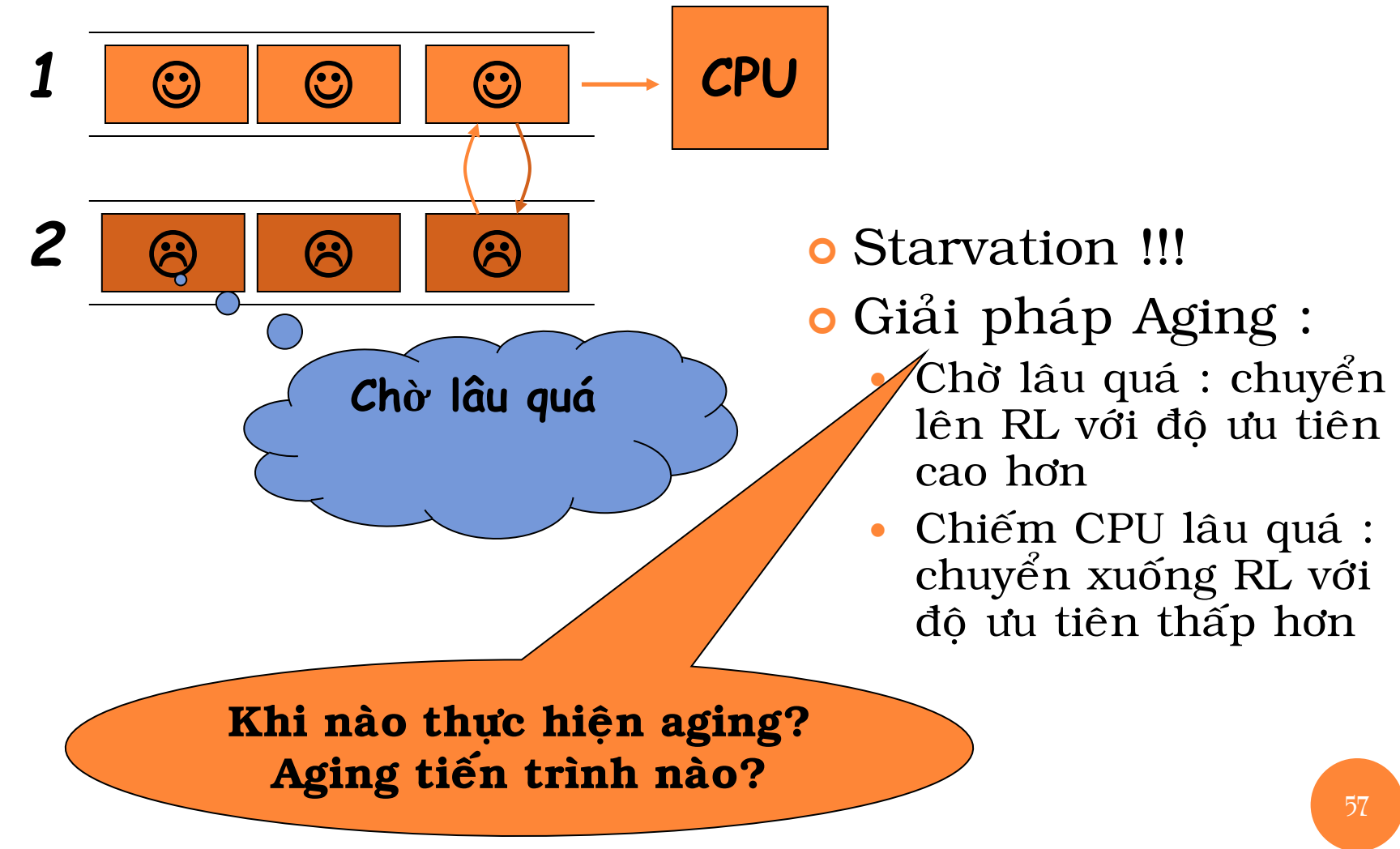


55

ĐIỀU PHỐI VỚI NHIỀU MỨC ƯU TIÊN



56



Bài tập: Hãy điều phối

CPU: SJF không độc quyền. R1,R2: FIFO

Tiến trình	Thời điểm vào Ready list	CPU1	IO lần 1		CPU2	IO lần 2	
			Thời gian	Thiết bị		Thời gian	Thiết bị
P1	0	8	5	R1	1	0	Null
P2	2	1	8	R2	2	5	R1
P3	10	6	5	R1	2	3	R2
P4	11	3	20	R2	0	0	Null

58